

Số: /BC-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2023
và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2023

Từ đầu năm đến nay, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp: Kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm, sản xuất, thương mại toàn cầu khó khăn. Lạm phát hạ nhiệt nhưng vẫn còn cao, việc kiểm soát lạm phát gặp nhiều thách thức khi giá hàng hóa thế giới biến động khó lường, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tiêu dùng gia tăng. Trong nước: Sức ép lạm phát, tỷ giá, giá nguyên nhiên vật liệu tăng, các thị trường xuất, nhập khẩu lớn bị thu hẹp. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành cùng toàn thể nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã nỗ lực tháo gỡ khó khăn, khôi phục sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân, nhờ đó tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực.

I- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Về kinh tế: Mặc dù còn nhiều thách thức song kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao so với bình quân cả nước. Theo số liệu Tổng cục thống kê ước tính, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 13,67%, là một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng; năm 2023 ước đạt 10,05%, vượt kế hoạch đề ra, là tỉnh có mức tăng trưởng cao thứ 4/11 tỉnh đồng bằng sông Hồng và cao thứ 7/63 tỉnh thành cả nước. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,35% (KH 9,5%); Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 7,08%, trong đó xây dựng tăng 14,86% (KH: 10,5%, trong đó xây dựng tăng 20%); Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 15,23% (KH 9%); nông nghiệp, thủy sản tăng 2,45% (KH tăng 2,2%). Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng chiếm 61,7%; Thương mại, dịch vụ chiếm 31,3%; Nông nghiệp, thủy sản chiếm 7% (KH: 65% - 28% - 7%). GRDP bình quân đầu người 110,4 triệu đồng (KH 112 triệu đồng). Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội vượt kế hoạch đề ra đạt 68.793 tỷ đồng (KH 63.500 tỷ đồng) tăng 24,71% so năm 2022. Năng suất lao động ước đạt 209 triệu đồng/lao động, tăng 6,21%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ ước gấp

đôi so với kế hoạch đạt 109.501 tỷ đồng (KH 52.000 tỷ đồng), tăng 74,19% so với cùng kỳ năm trước; Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 5.808 triệu USD (KH 7.000 triệu USD), giảm 15% so với cùng kỳ. Thu ngân sách đạt 33.100 tỷ đồng, đạt 144% so với dự toán giao, bằng 63,8% so với thực hiện năm 2022: trong đó: Thu nội địa 29.500 tỷ đồng, thu thuế xuất, nhập khẩu 3.600 tỷ đồng. Giá trị sản phẩm thu trên 1ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 238 triệu đồng (KH 238 triệu đồng).

Về xã hội: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 76,49% (KH 87,38%), tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 93,58% (KH 95,67%); số học sinh phổ thông bình quân 1 lớp học 38,25 học sinh (KH: 35,8 học sinh). Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1% (KH <1%); tuổi thọ trung bình trên 75 tuổi (KH >74 tuổi); tỷ số giới tính khi sinh ở mức 118,4 bé trai/100 bé gái (KH 118,4 bé trai/100 bé gái). Tạo việc làm mới cho 2,4 vạn lao động đạt 100% KH, bằng 96% so với năm 2022. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 69%, đạt kế hoạch và tăng 1% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31% (KH 31%). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,8% (KH 93,8%). Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 41% (KH 46,3%). Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 30% theo chuẩn mới (KH 100% theo chuẩn cũ); có 9,3 bác sỹ và 31 giường bệnh/1 vạn dân (KH tương ứng 9,5 bác sỹ-31 giường bệnh/vạn dân). Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 0,9% (KH 1,6%). Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung 88% (KH 88%); tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 96,5% (KH 96,4%). Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 30; Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 10 xã (KH tương ứng 30 xã – 10 xã). Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 92,2% (KH 92,2%); tỷ lệ thôn/tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa 89,8% (KH 89,8%); tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 92,2% (KH 92,2%).

Về môi trường đô thị: Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý 100% (KH 100%); tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý 90% (KH 100%); tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường 100% (KH 100%). Tỷ lệ đô thị hóa đạt 45% (KH 45%).

1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp năm 2023 gặp nhiều khó khăn do tác động tiêu cực từ sự suy giảm của kinh tế thế giới, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, chi phí sản xuất kinh doanh tăng... Một số ngành chủ chốt của tỉnh chịu ảnh hưởng lớn như: sản xuất thức ăn chăn nuôi, linh kiện điện tử, may mặc... Kết quả Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2023 ước tăng 6,35%, tăng so với năm trước nhưng thấp hơn so với kế hoạch (Kế hoạch 9,5%), trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tăng 6,41%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước tăng 2,6%, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý, xử lý nước thải, rác thải tăng 2,1%.

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp được tăng cường. Nhiệm vụ giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp được chú trọng. Đã chi trả tiền giải phóng mặt bằng khoảng 439 ha, trong đó đã cho thuê 385ha. Dự

kiến đầu tư xây dựng được 273ha hạ tầng KCN, đạt 210% kế hoạch. Các CCN được đẩy nhanh tiến độ đầu tư: Trong 13 CCN đã được chuyển mục đích sử dụng đất: Có 09 CCN đang thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng, đến nay, tổng diện tích đất đã đền bù, giải phóng mặt bằng là 319,59/428,39ha (đạt 74,6%); có 03 CCN đã khởi công đầu tư xây dựng hạ tầng với tổng diện tích 202,34ha. Tình hình cung ứng điện trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu về điện phục vụ sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của tỉnh.

2. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng

Công tác quản lý kiến trúc - quy hoạch được chú trọng. Đang hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến của hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2023 tầm nhìn đến năm 2050 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt. Đã phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch 03 đồ án quy hoạch cấp huyện. Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch 08 dự án phát triển nhà ở; phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết của 9 cụm công nghiệp. Từ đầu năm đến nay các nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản được tỉnh quan tâm đầu tư mạnh mẽ, đặc biệt là các công trình trọng điểm về kết cấu hạ tầng như giao thông, đường điện, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tuy nhiên ngành xây dựng vẫn gặp một số khó khăn như: Giá vật liệu xây dựng tăng cao và tình trạng thiếu nguồn nguyên liệu cho san lấp diễn ra ở nhiều địa phương. Kết quả giá trị sản xuất ngành xây dựng năm 2023 ước tăng 14,86% so với cùng kỳ năm trước (KH 20%).

3. Thương mại, dịch vụ

Các hoạt động kinh doanh dịch vụ tiếp tục đà phục hồi và phát triển sau dịch Covid-19 trở thành ngành có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, kết quả tăng trưởng của ngành dịch vụ chủ yếu đến từ khu vực kinh doanh bất động sản. Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ năm 2023 ước tăng 15,23% vượt kế hoạch đề ra (KH 9%); Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2023 ước đạt 109.501 tỷ đồng đạt 210,5% kế hoạch, tăng 74,19% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 5.808 triệu USD đạt 82,9% kế hoạch, giảm 15% so với cùng kỳ. Hoạt động quản lý thương mại được quan tâm. Cân đối cung cầu hàng hóa được đảm bảo, nhất là mặt hàng xăng dầu trong giai đoạn khan hiếm nguồn cung trong cả nước. Tổ chức hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại như: Hội chợ xuân Quý Mão năm 2023; Phiên chợ Vải Hưng Yên năm 2023, Tuần lễ Nhân lồng và nông sản Hưng Yên; tổ chức tham gia gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa của tỉnh tại các sự kiện: Chương trình “Gặp gỡ Hàn Quốc”, Hội chợ Quốc tế, Thương mại, Du lịch và Đầu tư Hành lang Kinh tế Đông Tây – Đà Nẵng 2023... Hỗ trợ quảng bá, giới thiệu nhãn, sản phẩm chế biến từ Nhân lồng Hưng Yên đến với bạn bè trong nước và quốc tế. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Đã “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý và điều hành xăng dầu trực tuyến tỉnh Hưng Yên”; Tích cực kết nối các sản phẩm của tỉnh với các doanh nghiệp, người tiêu dùng trên cả nước thông qua Sàn giao dịch thương mại điện tử.

4. Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Sản xuất nông nghiệp năm 2023 diễn ra trong điều kiện gặp nhiều khó khăn do diễn biến bất thường của thời tiết, khí hậu. Trong bối cảnh đó giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 2,45% so với năm 2022 (KH 2,2%), giá trị thu được trên một ha canh tác đạt 238 triệu đồng. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 5,4%; diện tích trồng lúa ước giảm 6,25% so với năm 2022; năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 62,96 tạ/ha, giảm 0,05% so với năm trước. Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu như sau: Nhân ước giảm 19,41%; vải ước tăng 18,26%; chuối ước tăng 0,26% so với năm 2022. Chuyển đổi được 950ha diện tích cây trồng kém hiệu quả sang cây trồng khác, nuôi thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn, đạt 101,06% kế hoạch, nâng tổng diện tích đất đã chuyển đổi lên 19.940 ha. Công tác phòng, chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được triển khai đồng bộ và kịp thời nên không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm. Tổng đàn trâu, bò ước tăng 2,57%; tổng đàn lợn ước tăng 2,3%; đàn gia cầm ước tăng 5,62% so với năm 2022. Công tác thủy lợi, quản lý đê điều và phòng chống lụt bão được tăng cường đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho sản xuất. Công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2023: ước có thêm 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số lên 113 xã nông thôn mới nâng cao; có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; nâng tổng số lên 29 xã nông thôn mới kiểu mẫu; thành lập mới được 20 HTX và 140 THT, nâng tổng số lên 383 HTX và 556 THT, duy trì 195 liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; đánh giá, xếp hạng được 51 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, nâng tổng số lên 250 sản phẩm.

5. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Trong năm 2023, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hưng Yên đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả nhiều giải pháp cải cách thủ tục hành chính, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư tại nước ngoài. Chú trọng nâng cao chất lượng điều hành của các cấp chính quyền. Lãnh đạo tỉnh đã trực tiếp vào cuộc, chủ động, làm việc và kêu gọi các doanh nghiệp, cũng như đón các đoàn nước ngoài về xúc tiến đầu tư tại Hưng Yên, tỉnh luôn đồng hành, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình phát triển. Đã tổ chức thành công các hội nghị gặp mặt doanh nghiệp. Qua đó kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho DN, nhà đầu tư; đồng thời tôn vinh các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thành tích xuất sắc trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Kết quả số vốn thu hút đầu tư mới và điều chỉnh tăng thêm năm 2023 đạt 18.387 tỷ đồng và 776,27 triệu USD (tổng số tương đương khoảng 1.500 triệu USD). Trong đó thu hút được 87 dự án đầu tư mới (tăng 01 dự án so với cùng kỳ năm 2022), bao gồm 41 dự án trong nước và 46 dự án nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 14.527 tỷ đồng và 556,97 triệu USD (tăng 341,67 triệu USD so với cùng kỳ năm 2022). Bên cạnh việc đẩy mạnh các hoạt động thu hút đầu tư, tỉnh đã chỉ đạo rà soát, thu hồi các dự án chậm triển khai, không triển khai, không đưa đất vào sử dụng. Trong năm 2023, đã thực hiện thu hồi 20 dự án (8 dự án trong nước và 12 dự án nước ngoài), trong đó có 09 dự án ngoài các KCN và 11 dự án trong KCN; tổng diện tích thu hồi khoảng 92,8 ha đất.

Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt 1.390 doanh nghiệp, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2022 với tổng số vốn đăng ký mới đạt 22.810 tỷ đồng. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 360 doanh nghiệp, tăng 4,3% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 680 doanh nghiệp, tăng 27,1% so với cùng kỳ và số doanh nghiệp đã giải thể là 180 doanh nghiệp, tăng 2,2%. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 16.268 doanh nghiệp đăng ký thành lập với tổng số vốn đăng ký đạt 198.396 tỷ đồng.

6. Hoạt động tài chính, tiền tệ

Tổng thu ngân sách năm 2023 ước đạt 33.100 tỷ đồng, đạt 144% dự toán, trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 3.600 tỷ đồng, đạt 76,6% so với kế hoạch và giảm 18,7% so với thực hiện năm 2022; thu nội địa được 29.500 tỷ đồng, vượt 61,8% dự toán, giảm 37,5% so với cùng kỳ (nếu trừ thu tiền sử dụng đất, thu nội địa đạt 21.196 tỷ đồng, vượt 128,6% dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 54,9% so với cùng kỳ). Số thu trừ tiền sử dụng đất đạt cao so với dự toán là do Chi nhánh Hưng Yên – CTCP Vinhomes phát sinh đột biến tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản. Một số khoản thu lớn vượt kế hoạch và có tăng trưởng so với cùng kỳ như: Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước được 2.500 tỷ đồng, đạt 125% dự toán và bằng 113,8% so với cùng kỳ; Khu vực ngoài quốc doanh ước được 14.750 tỷ đồng, đạt 347,1% dự toán, tăng 186,7% so với cùng kỳ; thuế thu nhập cá nhân ước được 1.350 tỷ đồng, đạt 112,5% dự toán, tăng 4,9% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách 21.791 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 13.619 tỷ đồng, đạt 91,5% kế hoạch; Chi thường xuyên 8.171,5 tỷ đồng, bằng 104,6% dự toán giao.

Hoạt động ngân hàng gặp khó khăn. Trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao, NHNN Việt Nam đã điều chỉnh giảm liên tục 04 lần các mức lãi suất với mức giảm 0,5-2%/năm nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên do thị trường bất động sản tiếp tục hạ nhiệt, đồng thời nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu đơn hàng, thị trường đầu ra bị thu hẹp, dẫn tới làm giảm khả năng hấp thụ vốn tín dụng ngân hàng vào nền kinh tế và nợ xấu gia tăng. Tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng ước đạt 134.000 tỷ đồng, tăng 13% so với 31/12/2022. Dư nợ cho vay ước đạt 93.500 tỷ đồng, tăng 8,2% so với 31/12/2022; trong đó: Cho vay nông nghiệp, nông thôn chiếm 46,6%, cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 18,7%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 3%. Dư nợ xấu trên toàn địa bàn là 1.280 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,4%/tổng dư nợ.

7. Đầu tư phát triển

Công tác huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng mạnh. Tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 68.793 tỷ đồng, tăng 24,7% so năm 2022. Tích cực chỉ đạo thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và điều chuyển kế hoạch vốn giữa các công trình, dự án chậm triển khai sang các dự án có tiến độ nhanh. Nhờ vậy, giải ngân vốn đầu tư công đạt kết tốt. Kế hoạch vốn giao 14.890 tỷ đồng; dự kiến giải ngân 31/01/2024 đạt 13.619 tỷ đồng, đạt 91,5% kế hoạch, trong đó: Giải ngân nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý 7.913 tỷ đồng, đạt 85,9% kế hoạch; nguồn vốn ngân

sách cấp huyện quản lý 3.370 tỷ đồng, đạt 96,4% kế hoạch; nguồn vốn ngân sách cấp xã quản lý 2.336 tỷ đồng, đạt 99,9% kế hoạch.

8. Tài nguyên và môi trường

Đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại 10 huyện, thị xã, thành phố, đang xem xét điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm: Đối với đất ở của hộ gia đình cá nhân từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023, đã cấp GCN đất ở là 3.176 thửa, diện tích 30,75ha; cấp GCN đất nông nghiệp là 528 thửa, diện tích 11,03 ha. Lũy kế đến ngày 31/10/2023 đã cấp được 283.736 thửa, đạt 71,10% tổng số thửa cần cấp, diện tích 7.387,86 ha, đạt 69,97% tổng diện tích cần cấp; Tổng số thửa đất cần cấp GCN đất nông nghiệp là 853.061 thửa, diện tích 52.683,12 ha; đã cấp được 795.278 thửa, đạt 93,22% tổng số thửa cần cấp, diện tích 48.723,25 ha, đạt 92,48 % tổng diện tích cần cấp. Đối với tổ chức từ ngày 01/01/2023 đến 31/10/2023, đã cấp được 717 thửa, diện tích 581,01ha. Tính lũy kế: Đến 31/10/2023, tổng số thửa cần cấp GCN 12.764 thửa, diện tích 5.983,37ha; đến nay đã cấp 9.803 thửa, đạt 76,8% tổng số thửa cần cấp, diện tích 5.290,6 ha, đạt 88,42% tổng diện tích cần cấp; còn lại 2.961 thửa chưa được cấp GCN, diện tích 692,77ha. Công tác giải phóng mặt bằng được triển khai tích cực, đã thu hồi 2.918,6/4.351,5 ha đất, đạt 67,07%. Lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản được quản lý hiệu quả. Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm. Đã góp ý về môi trường cho 154 dự án, phê duyệt 96 báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp 82 giấy phép môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm tài nguyên môi trường tích cực triển khai. Tích cực triển khai các đề án: Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; “Phụ nữ Hưng Yên thực hiện phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2023-2026”. Kết quả tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 90%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 82%; Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; Tỷ lệ số dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 100%, 42,13% số hộ gia đình thực hiện thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

9. Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học công nghệ tiếp tục phát triển đúng định hướng, có chiều sâu. Trong năm đã triển khai 56 nhiệm vụ KH&CN; hỗ trợ xây dựng 06 mô hình ứng dụng tiên bộ KH&CN vào đời sống và sản xuất; tổ chức đánh giá, nghiệm thu 23 nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, sáng kiến, an toàn bức xạ và hạt nhân, công nghệ và thị trường công nghệ được đẩy mạnh. Đã hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho 24 nhãn hiệu, công nhận 50 sáng kiến; hỗ trợ kinh phí cho 04 doanh nghiệp khởi nghiệp; cấp 28 giấy phép sử dụng thiết bị X - quang, 23 chứng chỉ nhân viên bức xạ; tham gia góp

ý về công nghệ đối với 50 dự án đầu tư; tổ chức 03 hội thảo về phát triển thị KH&CN, giới thiệu các công nghệ có khả năng ứng dụng vào địa bàn tỉnh. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thông tin, thống kê khoa học và công nghệ được tăng cường. Đã ban hành 25 bản thông báo công bố hợp quy, 18 thông báo công bố hợp chuẩn; tiếp nhận 502 bản đăng ký kiểm tra chất lượng thép nhập khẩu. Thực hiện các hoạt động kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa tại cơ sở; kiểm định khoảng 20.000 phương tiện đo các loại.

10. Giao thông vận tải

Trong năm toàn tỉnh triển khai đầu tư hơn 432km đường giao thông ở các cấp đường. Dự kiến hết năm 2023 sẽ hoàn thành giai đoạn 2 tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình. Đang tích cực triển khai thi công các dự án đảm bảo tiến độ: Dự án đường kết nối ĐT.387 với cao tốc Hà Nội-Hải Phòng (Km31+100); Dự án Đường trục ngang kết nối QL.39 (Km22+550) với ĐT.376, Dự án đường nối ĐH.45 xã Đồng Than với ĐT.376 xã Ngọc Long; dự án xây dựng đường bên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; Dự án ĐT.382B nhánh phải, Km0-Km14+420; Dự án nâng cấp cải tạo ĐT.380 đoạn Km0-Km2+800; Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.387 đoạn Km 0+080 - Km 2+843... Tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư và nhanh chóng khởi công các công trình giao thông trọng điểm như: Dự án tuyến đường vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội; Dự án đường Tân Phúc - Vĩng Phan (giao ĐT.378), tỉnh Hưng Yên; Tuyến đường bộ kết nối di sản văn hóa, du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng.

Công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường sông được thực hiện theo đúng kế hoạch đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt. Doanh thu vận tải ước tăng 6,53% so với năm 2022. Sản lượng vận tải tăng trưởng tốt: dự kiến vận chuyển hành khách đạt 103% kế hoạch, tăng 5,29%; luân chuyển hành khách đạt 102,9% kế hoạch, tăng 5,25%, vận chuyển hàng hóa đạt 106% kế hoạch, tăng 5,37%, luân chuyển hàng hoá đạt 105% kế hoạch, tăng 5,46%. Tình hình tai nạn giao thông đang diễn biến phức tạp, tăng cả ba tiêu chí; Mười tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh xảy ra 195 vụ, làm chết 116 người, bị thương 132 người, so với cùng kỳ năm 2023, tăng 84 vụ (75,7%), tăng 28 người chết (31,8%) và tăng 48 người bị thương (57,1%).

11. Giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên, kỷ cương nề nếp trong các hoạt động giáo dục được nâng cao. Hoạt động đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đẩy mạnh, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 93,58%. Toàn tỉnh có 397/519 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 76,49%. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ở các cấp đều giữ ở mức cao. Chất lượng đào tạo được duy trì và nâng cao: Tỷ lệ học sinh THPT tốt nghiệp lớp 12 đạt 99,87%; 05 học sinh đạt huy chương vàng trong kỳ thi NCKHKT cấp quốc tế tại Thụy Sĩ; 02 học sinh đạt huy chương vàng Olympic Sáng tạo và Phát minh Thế giới cấp quốc tế tại Mỹ; 76 giải trong các kỳ thi cấp quốc gia. Quản lý giáo dục được thực hiện có nền nếp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học qua internet đạt

hiệu quả cao; Tổ chức triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo tiến độ và yêu cầu ở tất cả các khâu như bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên, tổ chức lựa chọn SGK, biên soạn tài liệu giáo dục địa phương, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá...; Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên.

12. Y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác phòng chống dịch bệnh thực hiện nghiêm túc. Các cơ sở điều trị thực hiện tốt công tác trực cấp cứu, khám chữa bệnh cho nhân dân đặc biệt trong các dịp lễ, tết. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, không có tai biến trong điều trị. Chỉ tiêu khám, điều trị bình quân ước đạt 100% kế hoạch năm (cùng kỳ 104%). Số giường bệnh/ 1 vạn dân đạt: 31 giường, trong đó giường công lập là 28 giường, giường ngoài công lập đạt 2 giường; Số bác sỹ /1 vạn dân đạt 9,3 bác sỹ. Công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em được thực hiện thường xuyên. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên ước đạt 25% (cùng kỳ 24,6%). Tỷ số giới tính khi sinh ước đạt 118,4 bé trai/100 bé gái (cùng kỳ 120,2/100). Cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại vắc xin và vật tư. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 93,8%. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm thực hiện đúng theo quy định. Công tác quản lý hành nghề y được tư nhân được đảm bảo. Công tác đấu thầu thuốc được triển khai theo kế hoạch. Công tác quản lý môi trường y tế được thực hiện nghiêm túc đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không lây lan các bệnh nguy hiểm ra cộng đồng.

13. Văn hóa, thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội, được đảm bảo an toàn, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong nhân dân. Trong năm đã triển khai công tác kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể tại 05 huyện, thành phố. Đã tổ chức công bố quyết định Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đối với lễ hội đền Đa Hòa và đền Hóa Dạ Trạch, huyện Khoái Châu; Đang hoàn thiện hồ sơ khoa học 07 di tích xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2023. Lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt đối với Khu di tích Đa Hòa -Dạ Trạch. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai tích cực. Năm 2023, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 92,2%; tỷ lệ làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa đạt 89,8%. Đã tổ chức 13 giải thể thao quần chúng cấp tỉnh. Tỷ lệ tập luyện TDTT thường xuyên 34%; số gia đình tập luyện thể dục thể thao 30%. Thể thao thành tích cao được quan tâm: Đã tổ chức tập huấn, tham dự thi đấu 31 giải quốc gia đạt tổng số 112 Huy chương các loại, trong đó có: 18 HCV, 20 HCB, 80 HCD. Hoạt động phát triển du lịch khởi sắc, trong năm đã đón khoảng 800.000 lượt khách.

14. Lao động, thương binh và xã hội

Tổ chức tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho khoảng 62.500 người, đạt 100% kế hoạch năm, tăng 18,9% so với năm 2022; tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt trên 92% (tương đương năm 2022); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 69% (tăng 1% so với năm 2022); tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 31% đạt kế hoạch đề ra. Giải quyết việc làm cho khoảng 24.000 người, đạt 100% kế hoạch năm; bằng 96% so với năm 2022; xuất khẩu lao động cho 3.100 người, đạt 100% kế hoạch, tăng 34% so với năm 2022. Đã tổ chức thăm, tặng quà

158.455 lượt người có công, gia đình liệt sỹ, người cao tuổi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng xã hội khác; tổng kinh phí dành cho hoạt động thăm, tặng quà trên 92 tỷ đồng. Tiếp nhận và xét duyệt khoảng 4.500 hồ sơ giải quyết chế độ đối với người có công và thân nhân người có công. Hướng dẫn thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cho trên 63 nghìn đối tượng với tổng số tiền khoảng 340 tỷ đồng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình về giảm nghèo, nhất là một số chính sách đặc thù của tỉnh như thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cao hơn mức chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo tiêu chí thu nhập cho trên 1.800 người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo với tổng kinh phí gần 30 tỷ đồng/năm; hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho trên 800 hộ nghèo, hộ nạn nhân chất độc da cam với tổng kinh phí trên 50 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều dự kiến giảm còn dưới 0,9% (giảm trên 1,03 % so với năm 2022).

15. Thông tin và truyền thông

Hạ tầng kỹ thuật viễn thông đã phát triển rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Công tác chuyển đổi số được đẩy nhanh trên ba mảng trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đến nay có 4 hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua chia sẻ dữ liệu tỉnh phục vụ nhu cầu sử dụng dữ liệu chung. Hiện đã công bố 1.706 thủ tục hành chính thuộc quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trên cổng Dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 628 dịch vụ công trực tuyến một phần và 1020 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 141 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến. 100% sở, ban, ngành, huyện, thành phố được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản lý tập trung. Kinh tế số được khuyến khích phát triển. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có tổng số: 18.280 tổ chức, cá nhân tham gia các sàn thương mại điện tử lớn và uy tín, với 245.603 sản phẩm và 15.307.409 giao dịch. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản được ứng dụng rộng rãi. Tiến trình xã hội số được thúc đẩy mạnh mẽ: 100% các trường học trên địa bàn xã đã trang bị nền tảng học trực tuyến. 100% các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế trên địa bàn tỉnh đã triển khai phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế. Mạng lưới cáp quang được lắp đặt đến 100% thôn, tổ dân phố, trong đó trên 90% hộ gia đình sử dụng dịch vụ truy cập Internet băng rộng, tốc độ cao...

Thực hiện quyết liệt Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tỉnh đã triển khai 43 mô hình điểm Đề án 06... Đến nay, tỉnh Hưng Yên đã hoàn thành kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; hệ thống máy chủ và hạ tầng, đường truyền kết nối được bảo mật, đáp ứng yêu cầu phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; hoàn thành triển khai 25/25 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06, tiếp nhận 238.446 hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

16. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý tôn giáo, thi đua khen thưởng

Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính được đẩy mạnh. Đã hoàn thành giảm 10 Phòng Y tế cấp huyện, 9 đơn vị sự nghiệp công lập và tiếp tục thực hiện giảm 39 đơn vị sự nghiệp công lập theo kế hoạch. Lĩnh vực quản lý biên chế sự nghiệp được tăng cường; Đã ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức nghỉ việc hoặc chuyển công tác giai đoạn 2023-2026; chính sách đặc thù về thu hút giáo viên mầm non, tiểu học vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh. Tập trung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Năm 2023 đã triển khai đồng bộ, hiệu quả 06 nhiệm vụ về cải cách hành chính theo quy định của Chính phủ và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2022: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp vị trí thứ 12/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp vị trí thứ 6/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) xếp vị trí thứ 11/63 tỉnh, thành phố. Hoàn thành cập nhật 100% dữ liệu cán bộ công chức vào dữ liệu quốc gia. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường; công tác thi đua khen thưởng thực hiện có hiệu quả.

17. Quốc phòng, an ninh, tư pháp, thi hành án dân sự

17.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác huấn luyện được triển khai theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối. Tuyển chọn và giao đủ công dân nhập ngũ năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu. Đã tổ chức diễn tập KVPT huyện Kim Động Ân Thi, Tx.Mỹ Hào và diễn tập bảo đảm QPAN cho Sở tài nguyên và môi trường, Sở lao động thương binh và xã hội và Sở Nội vụ. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình quân sự trong KVPT tỉnh, KVPT các huyện, thị xã, thành phố gắn với xây dựng thao trường huấn luyện cho lực lượng DQTV, DBĐV trên địa bàn tỉnh. Công tác bảo quản, bảo dưỡng vũ khí trang bị được thực hiện đúng quy định.

17.2. Chủ động triển khai công tác bảo vệ an ninh, trật tự, không để bị động, bất ngờ không để hình thành tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn tỉnh. Đã khởi tố, điều tra 237 vụ, 346 bị can về trật tự xã hội; 54 vụ, 94 bị can về kinh tế, chức vụ, tham nhũng; 64 vụ, 380 bị can đánh bạc; 410 vụ, 480 bị can về ma túy. Xử lý hành chính 76 trường hợp vi phạm về quản lý xuất nhập cảnh, phạt 351,25 triệu đồng; 30 trường hợp đăng tải nội dung xấu độc trên không gian mạng, đưa thông tin không đúng sự thật lên không gian mạng... phạt 253,25 triệu đồng; Xử lý hành chính 406 vụ, việc vi phạm về bảo vệ môi trường, tài nguyên, vệ sinh an toàn thực phẩm phạt 2,6 tỷ đồng; 12.689 trường hợp vi phạm TTATGT, phạt 39,52 tỷ đồng; 826 trường hợp vi phạm về PCCC, phạt 5,78 tỷ đồng. Kết quả trên đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đóng góp tích cực, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh và của đất nước.

17.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được triển khai hiệu quả. Chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên rõ rệt. Thực hiện rà soát thường xuyên ước đạt 945 văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 18 văn bản quy phạm pháp luật. Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật; các giải pháp cải thiện chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật. Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, con nuôi được quan tâm. Hoạt động lý lịch tư pháp được triển khai nghiêm túc. Quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, nhất là với công tác hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

17.4. Công tác thi hành án dân sự được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm, qua đó tạo chuyển biến tích cực, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Tổng số việc phải giải quyết là 7.020 việc, với số tiền 2.687,7 tỷ đồng. Trong đó: số có điều kiện thi hành là 5.803 việc, với số tiền 751 tỷ đồng; số chưa có điều kiện thi hành là 1.042 việc, với số tiền 1.326,2 tỷ đồng (đã trừ số chuyển sở theo dõi riêng); 58 việc hoãn thi hành án, với số tiền 224,6 tỷ đồng, tạm đình chỉ thi hành án 02 việc, với số tiền 164,6 triệu đồng. Kết quả đã thi hành xong 4.925 việc, với số tiền 379,3 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 84,9% về việc và 50,51% về tiền.

18. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí

18.1. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện nghiêm túc. Tiến hành 218 cuộc thanh tra hành chính, 187 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với trên 1.500 tổ chức, cá nhân. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện sai phạm kiến nghị xử lý về kinh tế số tiền 78.327,59 triệu đồng (thu hồi nộp ngân sách nhà nước: 8.624,59 triệu đồng; kiến nghị giảm lỗ khi quyết toán thuế TNDN và kiến nghị khác: 69.703 triệu đồng); kiến nghị xử lý khác về đất đai 27.108 m² đất do người dân vi phạm khi xây dựng công trình trên đất nông nghiệp, đất hành lang giao thông, thủy lợi; kiến nghị xử lý hành chính 22 tập thể, 28 cá nhân. Ban hành 175 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.942,09 triệu đồng; đã thu hồi được 7.250,34 triệu đồng. Trong năm có 1.659 lượt với 2.243 công dân đến các cơ quan, đơn vị của tỉnh để KNTC, tăng 45,14% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp nhận trong kỳ 2.093 đơn, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2022. Có 1.493 đơn đủ điều kiện xử lý gồm: 556 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết (Khiếu nại: 41, tố cáo: 17, kiến nghị, phản ánh: 498); 937 đơn không thuộc thẩm quyền (hướng dẫn: 106; chuyển 704 đơn; đơn đốc 127 vụ việc). Trong 54 vụ việc KNTC thuộc thẩm quyền, đã giải quyết xong 39 vụ việc (khiếu nại: 24; tố cáo 15), các vụ việc còn lại đang được xác minh, giải quyết.

18.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng được các cấp ủy, chính quyền các địa phương, cơ quan đơn vị coi trọng với hình thức phong phú, đa dạng; Tỷ lệ kê khai tài sản thu nhập năm 2023 đạt 100% tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và số người đã thực hiện kê

khai 3009/3009 bằng 100% số người phải kê khai tài sản, thu nhập; Số người được xác minh tài sản, thu nhập trong kỳ: 94 người. Việc chuyển đổi vị trí cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng được thực hiện đúng quy định. Trong kỳ, phát hiện 17 vụ việc tham nhũng với 49 đối tượng với số tiền gây thiệt hại phát hiện được là 104.296 triệu đồng, 50.290m² đất, đã khắc phục 15.399 triệu đồng.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thách thức nhưng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn đạt được kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu kế hoạch đề ra; Khu vực thương mại, dịch vụ có sự phát triển vượt bậc, trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế. Vốn đầu tư phát triển tăng cao; nhiều dự án phát triển kết cấu hạ tầng, khu đô thị, dự án sản xuất kinh doanh lớn, trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ đầu tư; giải ngân vốn đầu tư công đạt khá. Các hoạt động quản lý tài nguyên môi trường, khoa học và công nghệ được tăng cường. Các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục và chính sách an sinh xã hội đạt nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Cải cách hành chính được triển khai sâu rộng. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai nghiêm túc, hiệu quả. Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

II- NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém

- Tiến độ triển khai đầu tư hạ tầng một số khu, cụm công nghiệp còn chậm.
- Các HTX nông nghiệp có quy mô nhỏ, năng lực còn hạn chế; phát triển kinh tế trang trại ở một số nơi còn tự phát, gây khó khăn trong quản lý dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh môi trường sinh thái... Nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý, người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng về an toàn thực phẩm còn chưa cao.
- Khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp và nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Chất lượng tín dụng giảm và tỷ lệ nợ xấu trên địa bàn tỉnh tăng.
- Tiến độ thi công một số dự án xây dựng công trình giao thông còn chậm. Một số tuyến đường bị xuống cấp nhanh. Vi phạm hành lang an toàn đường bộ còn diễn ra khá phổ biến trên các tuyến đường giao thông; công tác xử lý, ngăn chặn các vi phạm hiệu quả thấp, nhất là việc ngăn chặn tái lấn chiếm có hiệu quả không cao.
- Hoạt động của sàn giao dịch thiết bị và công nghệ chưa đạt hiệu quả.
- Việc rà soát, tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất và danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha năm 2023 còn chậm. Tình trạng đổ, đốt rác không đúng quy định chưa được ngăn chặn triệt để, triển khai các dự án khu xử lý chất thải tập trung còn chậm. Hầu hết nước thải sinh hoạt dân cư nông thôn chưa được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn. Còn 02 làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa hoàn thành xử lý triệt để. Thị xã Mỹ Hào và các đô thị loại V trên địa bàn tỉnh chưa có công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung đảm bảo yêu cầu. Nhiều cơ sở y tế tuyến xã chưa có công trình được thu gom, xử lý chất thải lỏng đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Công tác xây dựng Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị còn chậm. Chất lượng đô thị thấp chưa đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn đô thị, làm chậm đến việc công nhận, nâng loại đô thị (nhất là công viên cây xanh, chiếu sáng đô thị...) Tiến độ triển khai đầu tư xây dựng các dự án nhà ở xã hội rất chậm. Giá nhà ở xã hội còn cao, quy định về đối tượng mua nhà ở xã hội còn bất cập.

- Công tác đầu tư, mua sắm cơ sở vật chất kỹ thuật của các ngành Y tế, giáo dục còn chậm. Việc khai thác sử dụng thiết bị dạy học ở một số nhà trường còn hạn chế. Giáo viên bậc mầm non, tiểu học còn thiếu so với quy định của Bộ GDĐT.

- Việc triển khai chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt theo Chỉ thị 21/CT-TTg gặp rất nhiều khó khăn. Công tác rà soát, thu thập dữ liệu về các đối tượng quản lý thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phục vụ chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu dân cư chưa đáp ứng được tiến độ tỉnh yêu cầu.

- Việc gắn kết giữa phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa với phát triển du lịch còn thiếu tính sáng tạo, quyết liệt. Hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở chưa đồng bộ, thống nhất. Thể thao thành tích cao chưa bền vững; hệ thống thiết chế TDTT từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu và xuống cấp. Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng du lịch chưa đảm bảo, đầu tư thiếu đồng bộ, thiếu các khu vui chơi giải trí, mua sắm, bãi đỗ xe du lịch, các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Một số ngành, lĩnh vực chưa chủ động tham gia chuyển đổi số; nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng về ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế. Chưa xây dựng kho dữ liệu chung của tỉnh để thực hiện chia sẻ, sử dụng lại dữ liệu của các ngành.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Kinh tế trong nước và thế giới phục hồi chậm sau đại dịch Covid-19, đặc biệt là những tác động tiêu cực của cuộc xung đột Nga-Ukraine, sự điều chỉnh chính sách kinh tế của 1 số quốc gia khiến hoạt động xuất nhập khẩu càng gặp nhiều khó khăn, nhu cầu bị cắt giảm.

- Quy định về chuyển đổi đất trồng lúa còn phức tạp, một số ít hộ dân chưa thực hiện nghiêm việc nhận đền bù, bàn giao đất cho các chủ đầu tư ảnh hưởng tới tiến độ triển khai các dự án.

- Có một bộ phận người dân tại KCN Minh Đức chưa đồng thuận nhận tiền đền bù. Chủ đầu tư KCN Kim Động chưa tập trung cao trong việc triển khai đầu tư dự án. Pháp luật đất đai và pháp luật đầu tư, đấu thầu còn thiếu đồng bộ về quy định giao đất, cho thuê đất đối với các trường hợp trên.

- Do ảnh hưởng thị trường bất động sản tiếp tục hạ nhiệt và thực hiện các chính sách giảm thu nên một số khoản thu như: thu từ Khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương; Thu tiền sử dụng đất; Thuế bảo vệ môi trường; Lệ phí trước bạ không đạt kế hoạch.

- Do một số doanh nghiệp rơi vào tình trạng thị trường đầu ra bị thu hẹp, dẫn tới làm giảm khả năng hấp thụ vốn tín dụng ngân hàng vào nền kinh tế và nợ

xấu gia tăng. Một số nhóm khách hàng có nhu cầu tín dụng nhưng chưa đáp ứng được điều kiện cấp tín dụng

- Các nhà đầu tư chưa có phương án, giải pháp hiệu quả để đầu tư các sản phẩm phù hợp với nhu cầu, thu nhập của người lao động, công nhân; chưa phát triển các loại hình sản phẩm nhà ở cho thuê. Dự án nhà ở xã hội đòi hỏi đầu tư nguồn vốn lớn, lợi nhuận thấp nên chưa hấp dẫn nhà đầu tư.

- Hệ thống hạ tầng du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh đầu tư còn thiếu đồng bộ, chưa phát huy khả năng tiếp cận điểm đến cho phát triển du lịch. Kinh phí dành cho hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch từ tỉnh đến cơ sở còn thấp. Công tác xã hội hóa trong các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch còn hạn chế. Hoạt động của các hội, hiệp hội, liên đoàn hiệu quả chưa cao. Chưa xây dựng được cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Thiếu nguồn nhân lực cho ngành du lịch, đặc biệt các lao động có trình độ, tay nghề cao.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

Năm 2024 là năm then chốt thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, dự báo tình hình thế giới và khu vực sẽ tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới tiềm ẩn nguy cơ bất ổn và tăng trưởng chậm lại do phải thực hiện các chính sách kiểm soát lạm phát; tranh chấp giữa các nước ngày càng gay gắt, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp. Trong nước, các thị trường tài chính, bất động sản còn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn, sức ép lạm phát và giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, thiên tai, dịch bệnh còn diễn biến phức tạp,.. là những yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024.

I- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quyết liệt thực hiện mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kiểm soát giá cả, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hướng phát triển công nghiệp công nghệ hiện đại có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thương mại dịch vụ và đô thị, chú trọng hơn ở các khu vực trọng điểm để thúc đẩy lan tỏa phát triển. Bảo đảm các chính sách an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đảm bảo

quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

- (1) Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá so sánh (GRDP) tăng 7,5-8%;
- (2) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8%. Giá trị sản xuất: Công nghiệp và xây dựng tăng 8,5-8,7% (trong đó công nghiệp tăng 8,5%; xây dựng tăng: 10%); thương mại, dịch vụ tăng 9%; nông nghiệp, thủy sản tăng 2%).
- (3) Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 63% - thương mại, dịch vụ 30,5% - nông nghiệp, thủy sản 6,5%.
- (4) GRDP bình quân đầu người 121 triệu đồng.
- (5) Tổng mức doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 95.000 tỷ đồng; Kim ngạch xuất khẩu 7.000 triệu USD.
- (6) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 70.000 tỷ đồng.
- (7) Thu ngân sách trên địa bàn 32.823 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 29.123 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 3.700 tỷ đồng.
- (8) Tổng chi ngân sách địa phương 30.103 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 19.921 tỷ đồng, chi thường xuyên 9.052 tỷ đồng.
- (9) Giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 245 triệu đồng.

2.2. Về xã hội

- (10) Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia 93,85%; tỉ lệ phòng học kiên cố 98,48%; số học sinh phổ thông bình quân một lớp cấp tiểu học là 35 học sinh, cấp trung học là 42 học sinh.
- (11) Duy trì tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 1%; tuổi thọ trung bình trên 75 tuổi; tỷ số giới tính khi sinh ở mức 118,2 bé trai/100 bé gái.
- (12) Tạo việc làm mới cho 2,45 vạn lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 70%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%. **Tỷ lệ thất nghiệp 2,2%; tỷ lệ lao động thiếu việc làm 1,7%;**
- (13) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,2%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 47%.
- (14) Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 50% theo chuẩn mới; có 9,3 bác sỹ và 31 giường bệnh/1 vạn dân.
- (15) Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,71% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).
- (16) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung 92%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 98%.
- (17) 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 30% số xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- (18) Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 92,3%; tỷ lệ làng văn hóa, khu phố văn hóa đạt 90,5%;

(19) Số người tập luyện TDTT thường xuyên: đạt 36,5%; Số gia đình tập luyện thể dục thể thao: đạt 30,5%; Số huy chương tại các giải quốc gia: 126 huy chương các loại.

2.3. Về môi trường, đô thị

(20) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý 100%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý 92%; tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường 100%.

(21) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 46%.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc Hội, Chính phủ, Nghị quyết, Chương trình, Đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế, kiểm soát giá cả, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện vững chắc môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Tổ chức các hội nghị gặp gỡ, xúc tiến đầu tư với các nhà đầu tư Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu... nhằm thu hút các tập đoàn tập đoàn lớn, có trình độ khoa học công nghệ hiện đại, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tích cực chuyển đổi số; công khai cụ thể, chi tiết đến các nhà đầu tư những thông tin liên quan đến quy hoạch đất đai, quy hoạch phát triển công nghiệp, giá đất, cơ chế đền bù giải phóng mặt bằng. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai các KCN, các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, chuyên gia đã được phê duyệt. Hoàn thành giải phóng mặt bằng 100% diện tích đất của các khu công nghiệp đã được cấp chủ trương đầu tư; phấn đấu thu hút 600 triệu USD vốn đầu tư vào các khu công nghiệp. Tăng cường giám sát, đôn đốc chủ đầu tư các CCN tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển các cụm công nghiệp đã được thành lập, phấn đấu hoàn thành giải phóng mặt bằng từ 300-500ha và đầu tư xây dựng hạ tầng trên 200ha đất hạ tầng cụm công nghiệp; kiên quyết xử lý nghiêm, thay thế các chủ đầu tư vi phạm cam kết đầu tư.

3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh", nhằm sớm bàn giao đất cho doanh nghiệp để triển khai các dự án đầu tư. Các Sở, ban ngành, liên quan, theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ động, tích cực phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư dự án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục liên quan đến việc triển khai đầu tư dự án. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung giải quyết công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư kịp thời, đúng quy định cho người dân, bảo đảm đúng pháp luật và hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân, hạn chế tối đa việc điều chỉnh phương án đền bù, bảo đảm tiến độ thực hiện.

Năm 2024, phân đầu đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp khoảng 150ha.

4. Quyết liệt đôn đốc, hỗ trợ chủ đầu tư các công trình, dự án sản xuất công nghiệp, nhất là các dự án đầu tư hạ tầng đồng bộ cụm công nghiệp đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình, Kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành: Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án cơ cấu lại ngành thương mại tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030... Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại. Tổ chức tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh lành mạnh, bình đẳng.

5. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX nông nghiệp tỉnh Hưng Yên năm 2024. Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, thành viên HTX, THT, trang trại lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường thanh tra đột xuất đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản, các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm về sử dụng chất cấm, lạm dụng thuốc BVTV, kháng sinh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,... Tranh thủ thu hút các nguồn lực đầu tư thông qua các nguồn vốn ODA, vốn đầu tư FDI để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; đồng thời chủ động lựa chọn và áp dụng các công nghệ tiên tiến của thế giới đặc biệt là công nghệ giống, công nghệ tự động hóa, tin học hóa, công nghệ sau thu hoạch. Tăng cường giải quyết xử lý hiệu quả tình trạng vi phạm, lấn chiếm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

6. Tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục về giao đất, xác định giá trị tiền sử dụng đất của các dự án đô thị, nhà ở, tạo nguồn thu ngân sách cho tỉnh, phân đầu hoàn thành và vượt kế hoạch thu ngân sách năm 2024. Chủ động rà soát nguồn thu để dự báo nguồn thu sát với tình hình thực tế phát sinh; Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế. Tăng cường các biện pháp quản lý thu nợ. Đẩy mạnh cải cách hành chính thuế, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuế. Thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện chủ trương tiết kiệm chi thường xuyên, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả đầu tư; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý vi phạm; kiểm soát mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số ngành ngân hàng và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt. Thực hiện Chương trình hỗ trợ lãi suất 2% theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã; Triển khai thực hiện chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. Tăng cường công tác huy động vốn với các mức lãi suất

linh hoạt, phù hợp để tập trung nguồn vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế địa phương; Đẩy mạnh và tăng cường công tác xử lý nợ xấu gắn với cơ cấu lại TCTD theo chỉ đạo của Thống đốc NHNN và Ngân hàng cấp trên, giảm tỷ lệ nợ xấu về mức dưới 2% tổng dư nợ theo chuẩn mực phân loại nợ của Việt Nam.

7. Triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án nhằm cụ thể hóa các nội dung của Quy hoạch tỉnh ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược của tỉnh, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị. Phấn đấu tỷ lệ diện tích sàn nhà ở năm 2024 đạt 28,98 m²/người. Đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, chương trình phát triển đô thị đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch tỉnh và sự thống nhất với phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Tổ chức quy hoạch chung các đô thị mới làm cơ sở để làm cơ sở lập Đề án công nhận, nâng loại đô thị theo kế hoạch đảm bảo theo quy định. Điều chỉnh tổng thể Chương trình phát triển đô thị tỉnh giai đoạn đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

8. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình, đảm bảo tiến độ, hiệu quả đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng giao thông. Tích cực tham mưu UBND tỉnh phối hợp chặt chẽ với thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh để triển khai các bước chuẩn bị đầu tư của dự án tuyến đường vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội đảm bảo tiến độ yêu cầu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp an toàn giao thông để hạn chế thấp nhất tai nạn giao thông xảy ra, đặc biệt trong hoạt động vận tải hành khách. Tăng cường giám sát thông qua thiết bị giám sát hành trình xe để có biện pháp nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời; tập trung kiểm tra hoạt động vận tải chở khách ngang sông, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

9. Tập trung tổ chức, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn và chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tin giản biên chế công chức, viên chức, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện giảm đơn vị sự nghiệp, nâng cao mức độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập trọng tâm là các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế. Triển khai các chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức nghỉ việc hoặc chuyển công tác, các chính sách đặc thù về thu hút giáo viên mầm non, tiểu học vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Thực hiện 06 nhiệm vụ về cải cách hành chính theo quy định của Chính phủ và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi, luân chuyển vị trí đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý. Thường xuyên rà soát hoàn thành việc xếp lương, bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp cho công chức, viên chức theo quy định. Không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ.

10. Các cấp các ngành thực hiện nghiêm túc và quyết liệt Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai

đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm việc sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành và đảm bảo văn bản được ký số đầy đủ khi phát hành hoặc tiếp nhận văn bản. Đẩy mạnh đăng ký sử dụng chữ ký số tích hợp trên SIM di động. Quan tâm, hỗ trợ các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trong việc xây dựng hạ tầng và cung cấp các dịch vụ. Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng. Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, báo chí; khuyến khích các hoạt động sáng tác, biên soạn, biên tập sách, báo, tạp chí, tác phẩm nghệ thuật đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

11. Khẩn trương phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2025; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và năm 2024 của cấp huyện; Chủ động điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất, danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa dưới 10ha năm 2024. Tiếp tục góp ý kiến đối với các dự án đầu tư vào tỉnh; thẩm định chặt chẽ báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường; kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Vận hành hiệu quả Trung tâm truyền nhận dữ liệu quan trắc tự động chất thải, giám sát các nguồn xả thải chất thải lớn trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục lấy mẫu giám sát môi trường theo kế hoạch đối với các cơ sở phát sinh chất thải lớn; các cơ sở là điểm nóng về ô nhiễm môi trường; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Phấn đấu có thêm 01 nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN đi vào hoạt động đảm bảo thu gom, xử lý nước thải theo quy định. Hỗ trợ kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. Tổ chức đấu giá 05 khu vực khoáng sản (cát sông).

12. Tạo sự liên thông giữa thị trường KH&CN với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn. Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên. Phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST. Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đảm bảo tính mới, tính khoa học, tính khả thi, phù hợp với thực tiễn. Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa. Triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam; đào tạo nâng cao năng lực xây dựng quy chuẩn địa phương, tiêu chuẩn cơ sở, kiểm định viên đo lường, kiểm soát viên chất lượng... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

13. Tiếp tục rà soát, xây dựng các phương án bố trí, sắp xếp, điều chuyển, phân công giáo viên theo vị trí việc làm, khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học, môn học. Triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với các lớp 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 10 và lớp 11 bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Hoàn thành các điều kiện triển khai chương trình lớp 4, lớp 8, lớp 11 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực hiện tốt công tác lựa chọn SGK lớp 5, lớp 9, lớp 12 năm học 2024-2025. Đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục thực hiện thu phí không dùng tiền mặt. Đổi mới công tác tổ chức các kì thi, các kỳ khảo sát theo hướng đánh giá năng lực học sinh, phù hợp với chương trình, mục tiêu dạy học, có tác dụng tích cực điều chỉnh việc dạy học và nâng cao chất lượng dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

14. Tiếp tục chấn chỉnh tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên y tế đáp ứng sự hài lòng của người bệnh. Tập trung đào tạo bác sỹ chuyên khoa sâu cho tuyến tỉnh, đồng thời tăng cường đào tạo chuẩn hóa cán bộ y tế cho các tuyến. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh Hưng Yên về triển khai thực hiện Đề án Phát triển y tế cơ sở, y tế dự phòng và công tác dân số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng và thực hiện các chương trình mục tiêu y tế; tăng cường công tác truyền thông giáo dục để người dân hiểu và chủ động thực hiện các biện pháp tự phòng chống dịch. Làm tốt công tác điều tra giám sát, khống chế dịch; tổ chức tốt các dịch vụ tiêm vắc xin phòng bệnh, thực hiện dự phòng tích cực không để dịch lớn xảy ra. Tăng cường công tác truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, tư tưởng của nhân dân, từng bước giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính và tỷ lệ sinh con thứ ba trở nên.

15. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng linh hoạt, hiện đại; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động. Tổ chức tuyển sinh theo hướng tiếp cận nhu cầu thực tế của người học và nhu cầu nhân lực của xã hội. Quản lý có hiệu quả công tác xuất khẩu lao động; kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra cung, cầu lao động. Tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực quản lý nhà nước về ATVSLĐ. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội. Ban hành chính sách đặc thù của tỉnh nhằm nâng cao điều kiện sống đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo. Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện.

16. Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án bảo tồn, tôn tạo các di tích trọng điểm của tỉnh như: Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch; khu di tích Đa hòa - Dạ Trạch, Di tích Đền Tống Trân - Cúc Hoa, Đền Ủng, Làng Nôm, Chùa Nôm. Nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện tốt công tác phòng chống bạo lực gia đình. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể thao quần chúng; nâng cao thể thao thành tích cao. Tổ chức Hội nghị, hội thảo liên kết phát triển du lịch và triển khai các nội dung trong Chương trình hợp tác phát triển du lịch đã ký kết với các tỉnh Nghệ An, Hải Dương; Hà Tĩnh, Long An.

17. Tăng cường công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh ở cơ sở. Kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; tăng cường hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện, xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, trái pháp luật ở địa phương.

18. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức theo hướng tinh, gọn, mạnh. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng và có chất lượng tốt. Hoàn thành kế hoạch giao quân năm 2024.

Triển khai hiệu quả kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 18/10/2023 về đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình quân sự KVPT tỉnh, khu vực phòng thủ các huyện, thị xã, thành phố và triển khai xây dựng trụ sở, nơi làm việc của Ban CHQS xã, phường, thị trấn gắn với xây dựng thao trường huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên trên địa bàn tỉnh; thực hiện nghiêm nề nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, diễn tập, luyện tập thành thực các phương án, kế hoạch tác chiến, kế hoạch phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Chú trọng thực hiện hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh. Không để hình thành “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự hoặc xảy ra bị động, bất ngờ. Đẩy mạnh phòng, chống, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội, đấu tranh triệt phá không để hình thành băng nhóm tội phạm có tính chất manh động; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, đấu tranh hiệu quả với tội phạm công nghệ cao; bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ. Tiếp tục đổi mới xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục thực hiện Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 rất nặng nề, tình hình trong nước và tỉnh ta còn nhiều khó khăn, thách thức; đòi hỏi các cấp, các ngành cần tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt thực hiện nhiệm vụ ngay từ những ngày đầu năm. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh nỗ lực phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH^H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Lê Huy